

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Số: 149 /BC- TTKHCN

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025

Thực hiện Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Trung tâm Phát Triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025, cụ thể như sau:

I. Đánh giá chung.

Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên (Trung tâm) được thành lập theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Khoa học- Công nghệ và Đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Kạn và Trung tâm Phát Triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Trung tâm đã xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 trình cấp có thẩm quyền

Loại hình đơn vị sự nghiệp: Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)

Năm 2025, sau khi hợp nhất Trung tâm được nhà nước giao thực hiện 9 nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, kinh phí được giao đầu năm: 4.705 triệu đồng,

II. Đánh giá cụ thể

1. Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc

a) Về tổ chức bộ máy:

Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ (Sau đây gọi là Trung tâm) đi vào hoạt động từ ngày 01/07/2025, sau thời gian hợp nhất, bộ máy hoạt động



cũng đã dần ổn định, nhân lực chất lượng tốt hơn nhưng bị biến động nhiều về số lượng, do tinh giảm theo quy định và chấm dứt lao động hợp đồng làm công việc chuyên môn trong đơn vị sự nghiệp. Hiện tại bộ máy của Trung tâm bao gồm Ban Giám đốc (Giám đốc và 4 Phó Giám đốc) và 2 phòng chuyên môn: Phòng Hành chính – Nghiên cứu - Ứng dụng; Phòng Đo lường - Kiểm định - Hiệu chuẩn.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của đơn vị:

*** Số đầu năm :**

Trung tâm Phát Triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

- Số lượng viên chức: 17 người.

- Số lượng hợp đồng lao động: 06 người.

- Số lượng cần để thực hiện công tác lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 21 người (theo Đề án vị trí việc làm đang đợi cấp có thẩm quyền phê duyệt).

Trung tâm Khoa học - Công nghệ và Đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Kạn cũ

- Số lượng viên chức: 15 người.

- Số lượng hợp đồng lao động: 01 người.

- Số lượng cần để thực hiện công tác lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 15 người (theo Đề án Vị trí việc làm của Trung tâm Ứng dụng Khoa học - Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ được UBND tỉnh Bắc Kạn Quyết định số 2576 /QĐ-UBND ngày 29/12 /2023).

*** Số cuối năm:**

- Số lượng viên chức: 25 người.

- Số lượng hợp đồng lao động: 02 người.

*** Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:**

- Giảm viên chức: 01 người nghỉ theo NĐ 178/NĐ-CP +3 người chuyển công tác

- Tăng viên chức: 2 người do tuyển mới

- Giảm hợp đồng lao động: 4 người tuyển viên chức mới (2 người chuyển sang TT Thông tin Truyền thông)

- Tăng lao động hợp đồng: 01 người

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao của các đơn vị

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác:

Trong năm 2025, Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường các loại như: Công tơ điện, công tơ nước, áp kế, huyết áp kế, cân các loại, cột đo xăng dầu, phương tiện đo dung tích thông dụng, phương tiện đo điện trở tiếp đất, điện tim, điện não, tiếp địa chống sét, nhiệt ẩm kế, cân băng tải, cân treo... được 10.000 thiết bị, chuẩn đo lường; Lĩnh vực hỗ trợ ứng dụng hỗ trợ năng lượng nguyên tử được: kiểm định 85 thiết bị, kiểm xạ được 115 thiết bị và nguồn phóng xạ; Thiết bị có nghiệm ngặt về an toàn lao động kiểm định được 600 thiết bị.; Doanh thu hoạt động dịch vụ của Trung tâm đạt 3,200 tỷ đồng.

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN; đánh giá về thời hạn hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận: Trong năm 2025, Trung tâm được giao thực hiện 9 nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, cụ thể:

* Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường.

- Liên kết chuẩn (Kiểm định/hiệu chuẩn) được 17 chuẩn đo lường và thiết bị đo lường đảm bảo đạt yêu cầu được cấp giấy kiểm định hiệu chuẩn theo quy định.

- Bảo trì, bảo dưỡng, theo dõi sát tình trạng hoạt động của thiết bị chuẩn.

- Thiết lập, duy trì điều kiện môi trường phòng giữ chuẩn bảo đảm cho chuẩn đo lường luôn trong điều kiện môi trường cho phép $23 \pm 50c$ và độ ẩm nhỏ hơn 80%RH.

- Theo dõi được cấp giấy chứng nhận kiểm định/hiệu chuẩn chuẩn.

- Thực hiện việc xuất, nhập chuẩn đo lường để tránh tình trạng mất mát, hư hỏng trong quá trình sử dụng chuẩn đo lường.

- Sử dụng chuẩn đo lường, thiết bị đo lường phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra theo Quyết định của Sở Khoa học và Công nghệ và theo chỉ đạo của lãnh đạo Sở.

* Kiểm định phương tiện đo, chuẩn đo lường (Phục vụ Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ). Kết quả: Tham gia phục vụ 05 đoàn thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

* Thông báo hỏi đáp của Việt Nam và hàng rào kỹ thuật trong thương mại:

Thực hiện 397 tin cảnh báo TBT trên trang thông tin điện tử của Sở KH&CN.

* Đào tạo kỹ thuật viên kiểm định thiết bị đo lường mới được cấp; Hiệu chuẩn thiết bị đo lường; Đánh giá phòng VILAS 380, đánh giá công nhận khả năng kiểm định và chuẩn đo lường; Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị đo lường: Đào tạo được 12 lượt người gồm: Kiểm định viên cân phân tích

- Đào tạo được 12 lượt người gồm: Kiểm định viên cân phân tích, cân kỹ thuật, cân thông dụng, nhiệt ẩm kế, taximet, Kiểm định viên nhiệt ẩm kế.

- Hiệu chuẩn thiết bị đo lường: Thiết bị chuẩn đo lường, thử nghiệm Kiểm định, hiệu chuẩn chuẩn được cấp giấy chứng nhận theo đúng quy định hiện hành.

- Đánh giá phòng VILAS 380: Đang thực hiện

- Lý do: Đoàn đánh giá BOA đang thực hiện hành động khắc phục những điểm chưa phù hợp do vậy vẫn đang thực hiện hoàn thiện trong tháng 12/2025

-Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị đo lường: Các thiết bị chuẩn đo lường, thử nghiệm đều hoạt động tốt đáp ứng cung cấp dịch vụ theo yêu cầu đơn vị.

Sửa chữa Bàn kiểm công tơ 1 pha 24vị trí gồm: Sửa chữa bộ công suất dòng điện, sửa chữa bộ nguồn sơ cấp và bảo dưỡng, Hiệu chỉnh toàn bộ bàn kiểm để thiết bị đạt độ chính xác theo đúng yêu cầu kỹ thuật đo lường

* Xây dựng mô hình thử nghiệm ứng dụng chế phẩm Bio- BK1 để xử lý chất thải trong chăn nuôi gia súc, gia cầm tại các trang trại trên địa bàn xã Tân Thành, tỉnh Thái Nguyên - Kết quả: Khảo sát chọn được 9 hộ dân tham gia mô hình nhận chuyển giao, quy mô 3 vạn con gia cầm; Tổ chức được 02 lớp tập huấn kỹ thuật với 51 hộ dân tham gia; Các hộ dân nắm được kỹ thuật sử dụng chế phẩm sinh học Bio-BK1 để xử lý chất thải, nước thải tại các mô hình chăn nuôi gia cầm; Sản xuất 300kg chế phẩm sinh học Bio-BK1; Cấp phát 300kg chế phẩm sinh học Bio-BK1 cung cấp cho mô hình đảm bảo chất lượng; Xây dựng được 01 mô hình ứng dụng thử nghiệm chế phẩm Bio-BK1 trong xử lý chất thải tại các mô hình chăn nuôi gia cầm, quy mô 3 vạn con tại xã Tân Thành, tỉnh Thái Nguyên, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và hạn chế sử dụng kháng sinh và hóa chất; Theo dõi, đánh giá hiệu quả mô hình thử nghiệm xử lý chất thải và tác động môi trường tại mô hình

* Phôi giống, thụ tinh nhân tạo trâu bò sinh sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: Kết quả: Tổ chức tập huấn được 08 lớp với 160 hộ dân tham gia; Đã thăm khám cho 266 con bò cái sinh sản và tuyển chọn được 114/100 con bò cái giống đủ tiêu chuẩn để đưa vào TTNT; Đã Thăm khám, gây động dục và TTNT cho bò được 65 con bò cái sinh sản (Dự kiến tháng 12 triển khai gây động dục và TTNT cho bò được 25 con bò cái sinh sản; Dự kiến Kết quả năm 2025 được 90 con); Đã Khám thai xác định được 22 con bò cái có chửa (dự kiến tháng 12 tiếp tục tổ chức khám thai, số con dự kiến có chửa 10-15 con; Kết quả cuối năm dự kiến đạt

32-40 con bò cái có chữa).

*Hỗ trợ phòng nuôi cấy mô và tiếp nhận công nghệ nhân giống invitro cây

chuối và cây nguyên liệu men lá: Kết quả: Mua sắm hóa chất, vật tư đúng số lượng, chủng loại được phê duyệt (100%); Lưu giữ 124 bịch lan kim tuyến, 35 bịch dâu tây, 130 bịch nát moong (100%); Trồng 01 vụ dưa leo (120 bầu) bằng phương pháp tưới nhỏ giọt trong nhà màng (100%); Trồng thử nghiệm 400 cây lan kim tuyến, 118 cây dâu tây (100%); Ứng dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi (gà, bò) theo hướng an toàn sinh học

* Ứng dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi (gà, bò) theo hướng an toàn sinh học - Kết quả: Tổ chức được 01 lớp tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi gà theo hướng an toàn sinh học; Số lượng học viên đã tham gia là 20 người; Đã xây dựng được 01 mô hình: Ứng dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi gà theo hướng an toàn sinh học. Quy mô thực hiện: 5.000 con; Địa điểm: Tại xã Yên Phong tỉnh Thái Nguyên (xã Yên Mỹ huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn cũ); Đã xây dựng được 01 mô hình: Ứng dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi bò. Quy mô 30 - 40 con bò; Địa điểm: Tại Xã Chợ Mới tỉnh Thái Nguyên (xã Tân Sơn huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn cũ); Đã phát hành “Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gà theo hướng an toàn sinh học” và “Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật ứng dụng chế phẩm sinh học làm đệm lót trong chăn nuôi bò” để làm cơ sở chuyển giao khoa học kỹ thuật của Trung tâm cho các đơn vị, địa phương và khuyến cáo, tuyên truyền cho người chăn nuôi gà trên địa bàn tỉnh áp dụng vào trong sản xuất chăn nuôi.

* Tập huấn mô hình cho nông dân - Kết quả: Thực hiện được 15/8 lớp với 478/240 lượt người tham gia; Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật thuộc lĩnh vực chăn nuôi: 07 lớp; Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật thuộc lĩnh vực trồng trọt: 01 lớp; Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật thuộc lĩnh vực nuôi trồng nấm: 07 lớp.

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị

Thực hiện các quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Sở KH&CN đã chỉ đạo Trung tâm xây dựng phương án tự chủ tài chính theo quy định. Và đã trình lên cơ quan cấp trên vào ngày /7/2025, Theo đó, Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị

a) Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ:

- Các khoản thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định, gồm: Hoạt động dịch vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng

dụng năng lượng nguyên tử; Hoạt động kiểm định về an toàn lao động; Thực hiện kiểm định đối chứng; Lĩnh vực Hoạt động dịch vụ Ứng dụng và chuyển giao công nghệ;

- Khoản thu do Nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN:

TT	Tên dịch vụ	Kinh phí (đồng)
1	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường	308.000.000
2	Kiểm định phương tiện đo, chuẩn đo lường (<i>Phục vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ</i>)	70.000.000
3	Thông báo và hỏi đáp của Việt Nam và hàng rào kỹ thuật trong thương mại	54.000.000
4	Đào tạo kỹ thuật viên kiểm định thiết bị đo lường mới được cấp; Hiệu chuẩn thiết bị đo lường; Đánh giá phòng VILAS 380, đánh giá công nhận khả năng kiểm định và chuẩn đo lường; Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị đo lường	225.000.000
5	Xây dựng mô hình thử nghiệm ứng dụng chế phẩm Bio-BK1 để xử lý chất thải trong chăn nuôi gia súc, gia cầm tại các trang trại trên địa bàn xã Tân Thành, tỉnh Thái Nguyên-	296.000.000
6	Phối giống, thụ tinh nhân tạo trâu bò sinh sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	400.000.000
7	Hỗ trợ phòng nuôi cấy mô và tiếp nhận công nghệ nhân giống invitro cây chuối và cây nguyên liệu men lá	150.000.000
8	Ứng dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi (gà, bò) theo hướng an toàn sinh học	500.000.000
9	Xây dựng mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý rơm rạ tại ruộng tạo phân bón hữu cơ	150.000.000
	Tổng cộng	2.153.000.000

Hiện tại Trung tâm đang thực hiện theo đúng tiến độ

b) Về dự kiến nguồn thu, chi thường xuyên:

- Thu thường xuyên

+ Dự toán thu: 3.200 triệu đồng

+ Số thực hiện: 3.200 triệu đồng

- Chi thường xuyên:

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ : 180 triệu đồng

- Trích Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp từ lợi nhuận: 36 triệu đồng

- Trích quỹ bình ổn thu nhập: 18 triệu đồng

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi : 126 triệu đồng

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm: không có

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Để đảm bảo hoạt động đúng theo quy định của Pháp luật, Trung tâm Phát triển KH&CN đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể; thực hành tiết kiệm chi và tăng thu và đảm bảo thu nhập tăng thêm người lao động tại đơn vị.

III. Khó khăn, tồn tại và đề xuất, kiến nghị

1. Khó khăn, tồn tại.

- Đơn vị phải cạnh tranh với nhiều tổ chức khác trên địa bàn nên nguồn thu dịch vụ còn hạn chế và gặp không ít khó khăn về kinh phí để đảm bảo chi thường xuyên, nhất là chi lương và các khoản có tính chất lương cho cán bộ, viên chức và người lao động.

- Phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn của đơn vị còn hạn chế, chưa thật sự phù hợp với sự phát triển nhanh của khoa học và công nghệ trong giai đoạn hiện nay.

2. Đề xuất, kiến nghị.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập có thu, Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục quan tâm, hỗ trợ kinh phí, tăng cường đầu tư tiềm lực cho đơn vị chúng tôi để đáp ứng nhu cầu thị trường phù hợp với sự phát triển của Khoa học và Công nghệ trong giai đoạn hiện nay.

Trên đây là báo cáo tự chủ của Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN;

- Lưu: VT



Trương Anh Tuấn



**BÁO CÁO THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo 149/BC-KHCN ngày 15 tháng 12 năm 2025)

TT	Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Dự kiến năm kế hoạch	Ghi chú
A	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ				
I	Tổng số đơn vị SNCL	Đơn vị		01	
II	Số lượng đơn vị được giao tự chủ tài chính	Đơn vị			
1	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị			
2	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		01	
4	Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
III	Tổng số người làm việc	Người		27	
	Trong đó: số người hưởng lương từ NSNN			25	
IV	Kết quả hoạt động tài chính	Triệu đồng			
1	Nguồn tài chính			4.986	
a	Ngân sách nhà nước				
	- NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và nhiệm vụ khác			3.388	
	- NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ			1.098	
	- NSNN cấp chi sự nghiệp kinh tế			500	
b	Nguồn thu phí được để lại chi				
c	Nguồn thu dịch vụ khác			3.200	
d	Nguồn vay nợ, viện trợ				
e	Nguồn khác				
2	Sử dụng nguồn tài chính				
a	Chi từ nguồn NSNN cấp				
	- Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự				



	nghiệp công				
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
	- Chi thường xuyên giao tự chủ				
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
	- Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ				
b	Chi phục vụ công tác thu phi				
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
c	Chi hoạt động dịch vụ khác				
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
d	Chi vay nợ, viện trợ				
e	Chi khác				
3	Chênh lệch thu chi (1)			250	
4	Trích lập các Quỹ			180	
a	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp			36	
b	Quỹ bổ sung thu nhập			18	
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			126	
d	Quỹ khác (2)			0	
e	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị			0	

